TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/DSST
Ngày: 28 - 02 - 2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm* có:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp;
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Chí Lin;
Ông Đào Văn Hùng;
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Còn, Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 572/2017/TLST – DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 31 thàng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh T, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: Số 00, ấp X, xã Q, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;
Bị đơn: Anh S (L), sinh năm: 1987;
Chị C (O), sinh năm 1986;
Cùng địa chỉ: Số 00, ấp S, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

(Anh T, chị C có mặt; Anh S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nguyên đơn anh T trình bày như sau: Tháng 3/2017, anh T có bán cho

anh S, chị C 20 con trâu nghé với giá 202. 000.000đ. Ngày 6/7/2017, anh S và chị C có trả cho anh T số tiền 72.000.000đ (do bắt 06 con trâu nghé quy thành tiền là 72.000.000đ chứ không phải trả tiền mặt) còn nợ lại anh T số tiền 130.000.000đ đến nay chưa trả.

Nay anh T yêu cầu giải quyết buộc anh S (L) và chị C (O) phải liên đới trả cho anh T số tiền là 130.000.000đ. Ngoài ra, anh T không cón yêu cầu gì khác.

Tại lời trình bày của chị C (O): Chị C xác nhận có nợ anh T số tiền 202.000.000đ, ngày 6/7/2017, chị C đã trả cho anh T được số tiền 72.000.000đ còn nợ lại số tiền 130.000.000đ nhưng đến ngày 16/8/2017 thì anh T đã đến nhà bắt 06 con trâu đực mỗi con nặng khoảng 250kg giá mỗi con 25.000.000đ để trừ xong số nợ trên còn dư ra số tiền 20.000.000đ. Nay anh T yêu cầu chị C và anh S phải liên đới trả cho anh T số tiền là 130.000.000đ thì chị C không đồng ý và yêu cầu anh T phải trả lại cho chị C số tiền 20.000.000đ dư ra do bắt trâu trừ nợ.

Tại lời trình bày của anh S (L): Anh S thống nhất theo lời trình bày của chị C và không trình bày gì khác.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng rõ ràng chính xác. Quá trình tố tụng của vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và tuyên án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh S (L) vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S.

[1.2] Quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

[2] Về nội dung vụ án: Qua yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào giấy trả nợ và hẹn ngày trả nợ ghi ngày 6/7/2017, thì anh S và chị C còn nợ anh T số tiền 130.000.000đ và hẹn 30 ngày sẽ trả anh T đủ nhưng không trả.

Anh T khởi kiện yêu cầu chị C và anh S có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 130.000.000đ. Anh S và chị C xác nhận có nợ anh T số tiền 202.000.000đ nhưng đã trả số tiền 72.000.000đ vào ngày 6/7/2017 còn nợ lại số tiền 130.000.000đ và đến ngày 16/8/2017 thì anh T đã vào nhà bắt 06 con trâu trị giá 150.000.000đ để trừ nợ xong nên không còn nợ anh T nữa. Ngoài ra, chị C và anh S yêu cầu anh T phải trả lại cho chị C số tiền 20.000.000đ dư ra do bắt trâu trừ nợ. Xét thấy, hai bên đương sự xác nhận chị C và anh S còn nợ anh T số

tiền 130.000.000đ nhưng chị C và anh S cho rằng ngày 16/8/2017 thì anh T đã vào bắt 06 con trâu trị giá 150.000.000đ để trừ nợ xong nhưng không được anh T thừa nhận và chị C, anh S không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh là có bắt 06 con trâu trị giá 150.000.000đ cũng như không xác định được bắt loại trâu gì, giá trị bao nhiêu mà chỉ nói là anh T đã bắt trâu thì trừ hết nợ. Anh T cho rằng có bắt 06 con trâu nghé và quy ra thành tiền là 72.000.000đ nên có thể hiện trên giấy trả nợ. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh T nên cần buộc anh S và chị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 130.000.000đ là phù hợp với Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngoài ra, chị C và anh S yêu cầu anh T phải trả lại cho chị C và anh S số tiền 20.000.000đ dư ra do bắt trâu trừ nợ nhưng Tòa án đã ấn định cho chị C và anh S phải làm đơn phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng chị C và anh S không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: C (O) và anh S (L) phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng 26, 35, 186, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh S (L) và chị C (O).

Buộc anh S (L) và chị C (O) có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 130.000.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc anh S (L) và chị C (O) chịu 6.500.000đ án phí DSST sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn lại anh T số tiền 3.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1531 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Án này là sơ thẩm, anh T, chị C có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Đức Hòa.
-Các đương sự
-Chi cụcTHA.
-Lưu hồ sơ.
-Lưu án văn.-

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Hiệp